CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Ngày 30/06/2025	10,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	**-9.8%**	**-**

DT thuần
Q2/25
187
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0| 25.6%
YoY: ▼7.00| -3.6%

LN thuần
Q2/25
71.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.5| 49.4%
YoY: ▲ 3.20| 4.7%

LN sau thuế
Q2/25
64.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.9| 51.1%
YoY: ▲ 3.50| 5.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
54.7%
YoY: +/-▲ 2.9%

ROE (TTM)
Q2/25
11.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

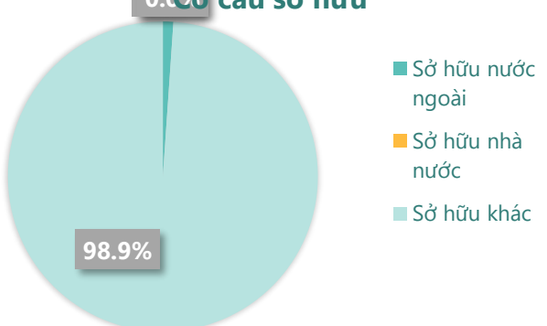
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,360 - 13,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,803
Số lượng CPLH (CP)	170,057,593
KLGD BQ 20 phiên (CP)	596,890
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	0.95
EPS	1,410
P/E	7.5

DT thuần
6T 2025
336
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -0.7%

LN thuần
6T 2025
118
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 11.3%

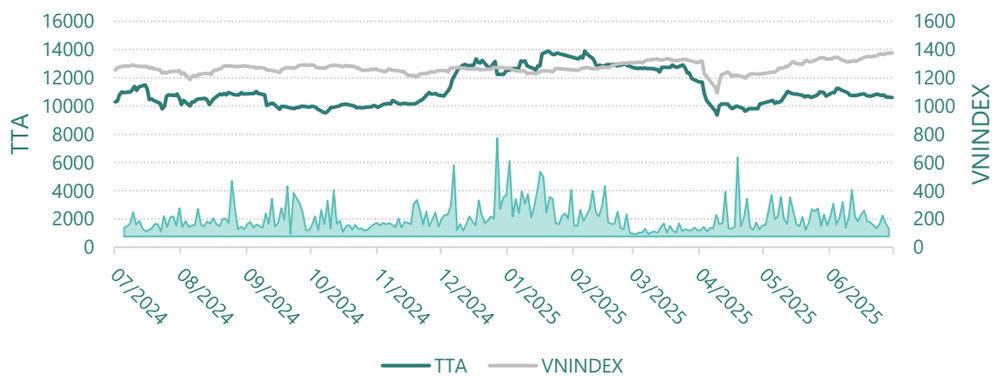
LN sau thuế
6T 2025
107
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.4| 11.3%

Cơ cấu sở hữu

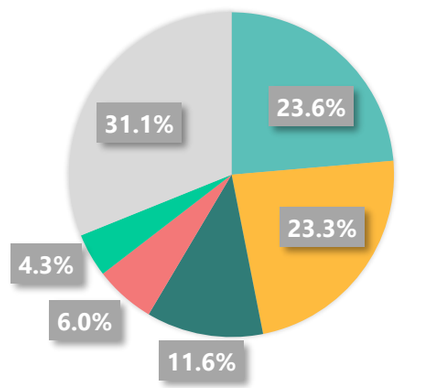


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



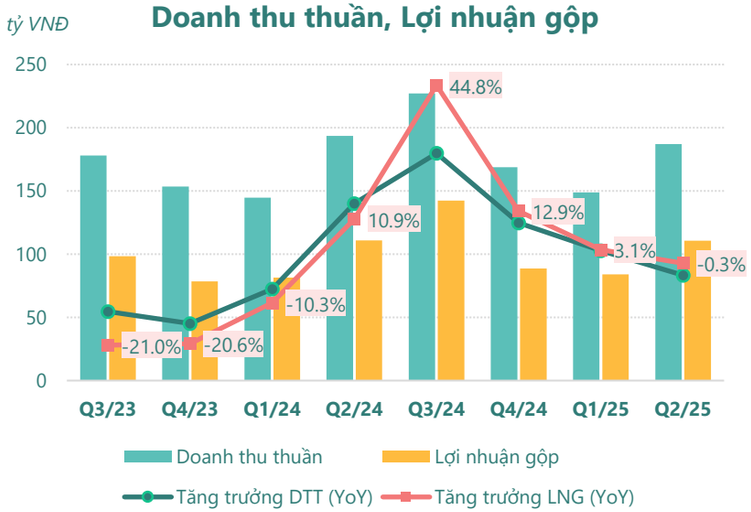
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

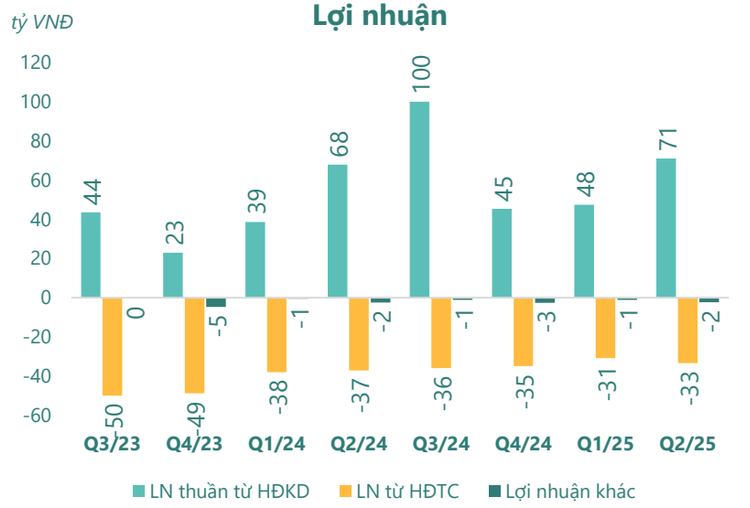
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



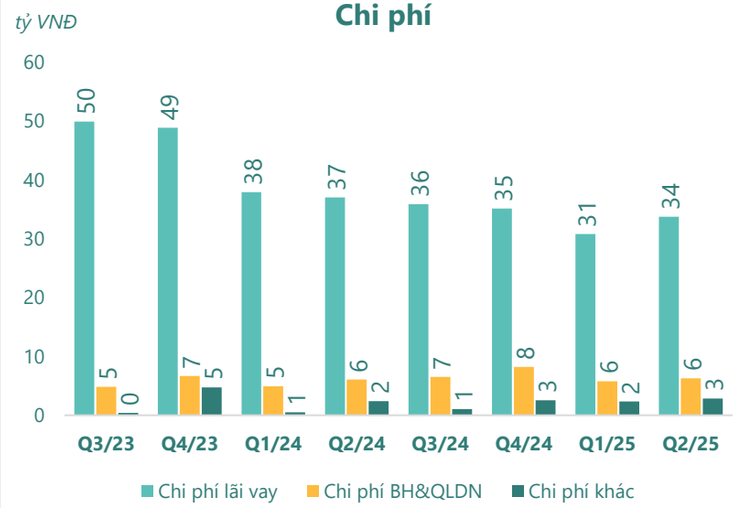
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



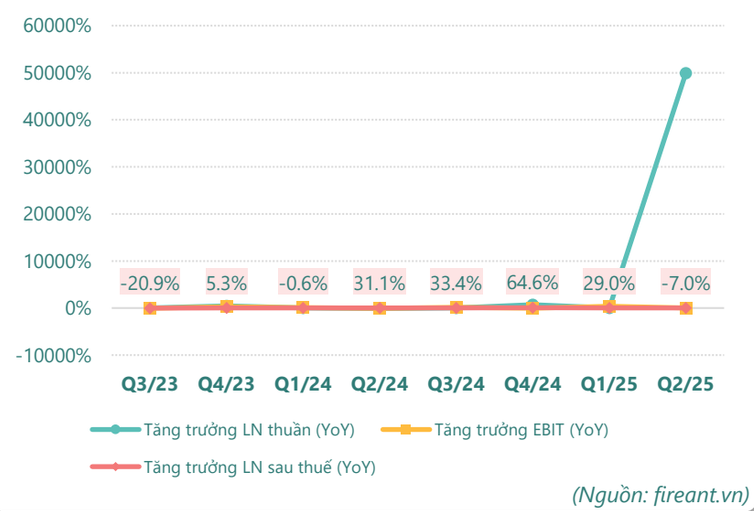
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



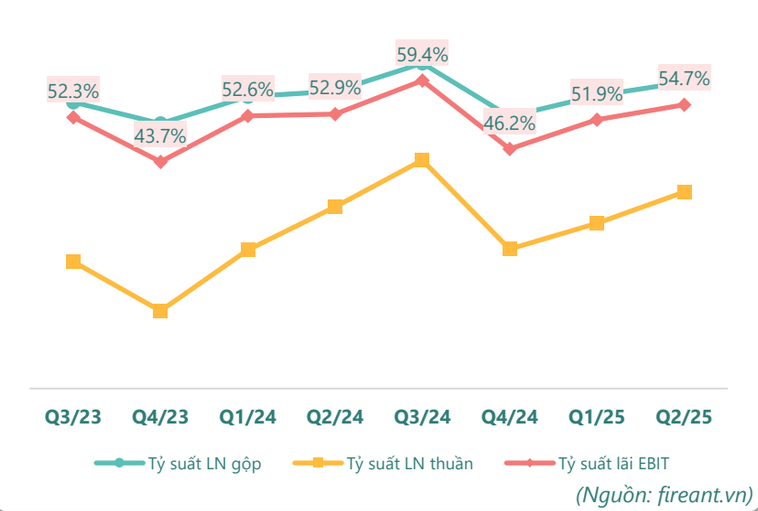
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



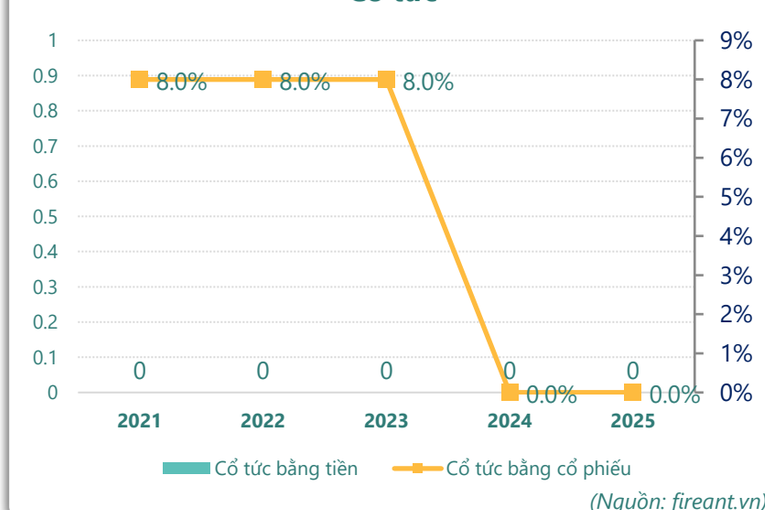
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

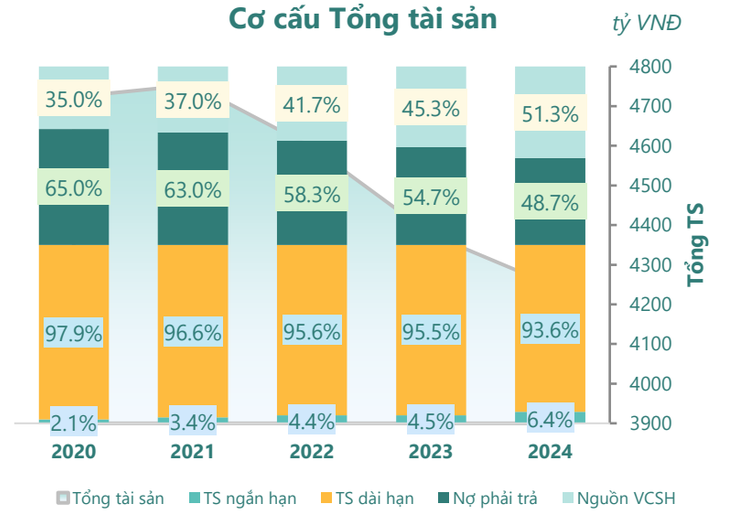
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

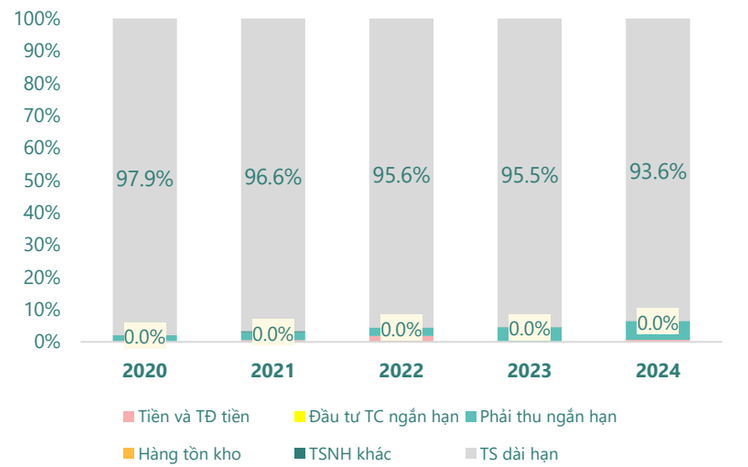
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



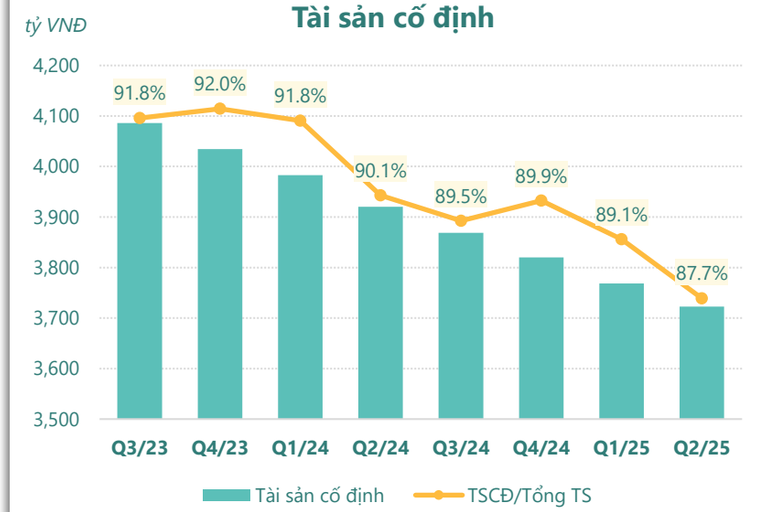
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



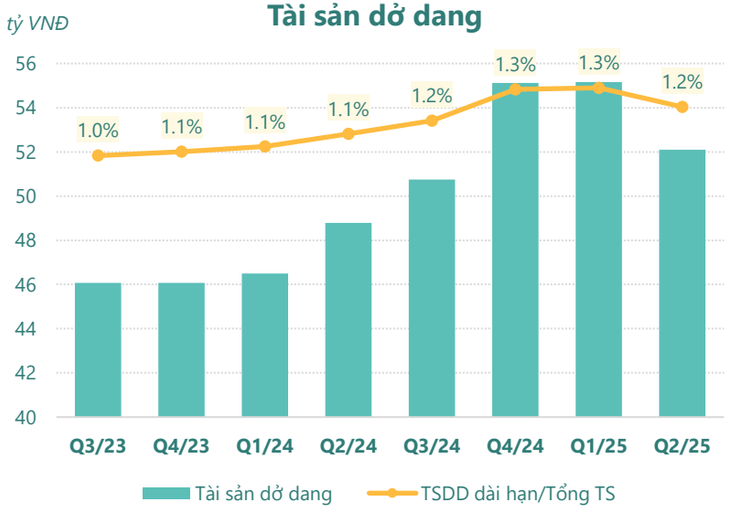
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



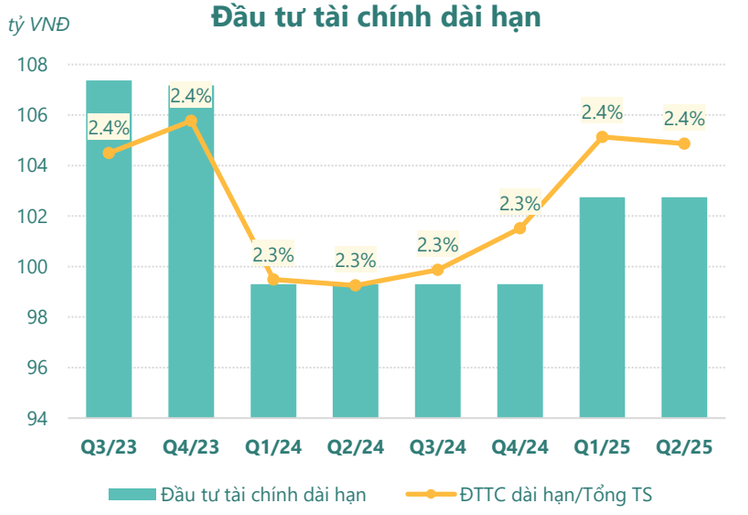
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



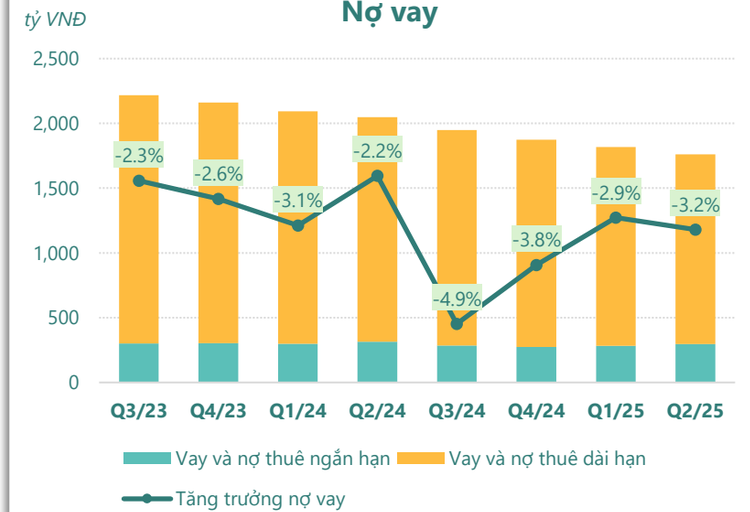
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

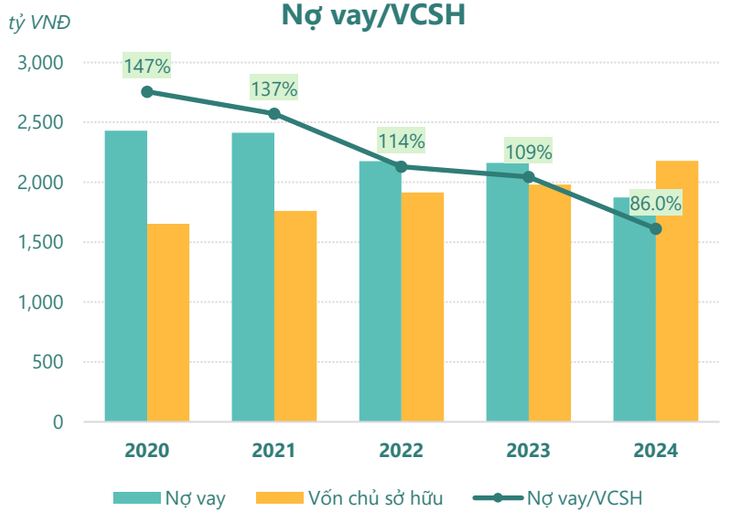
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

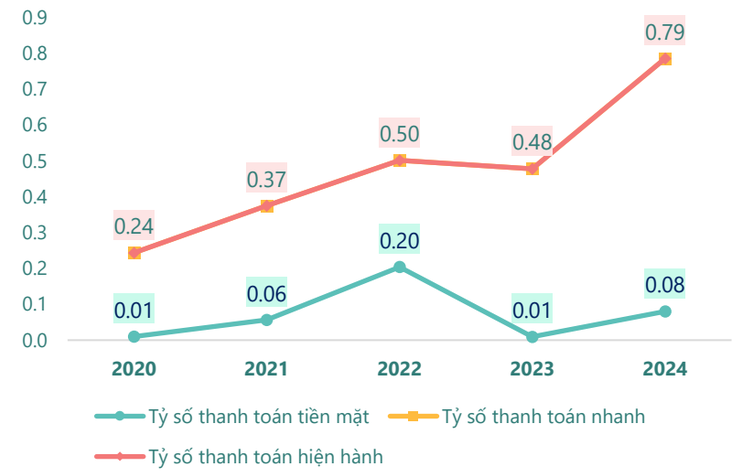
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



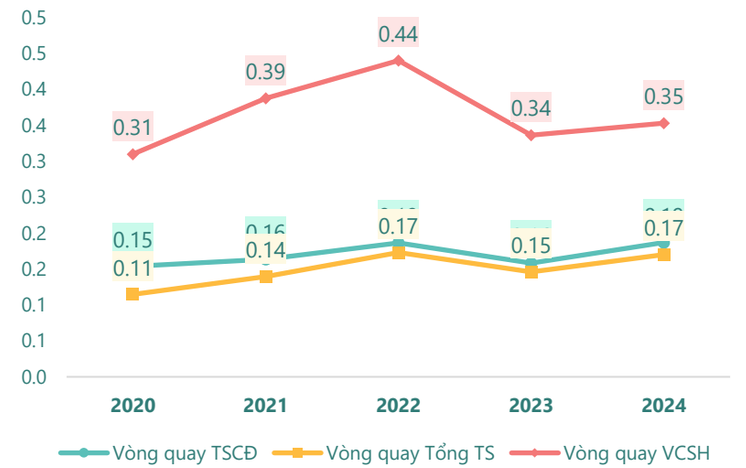
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



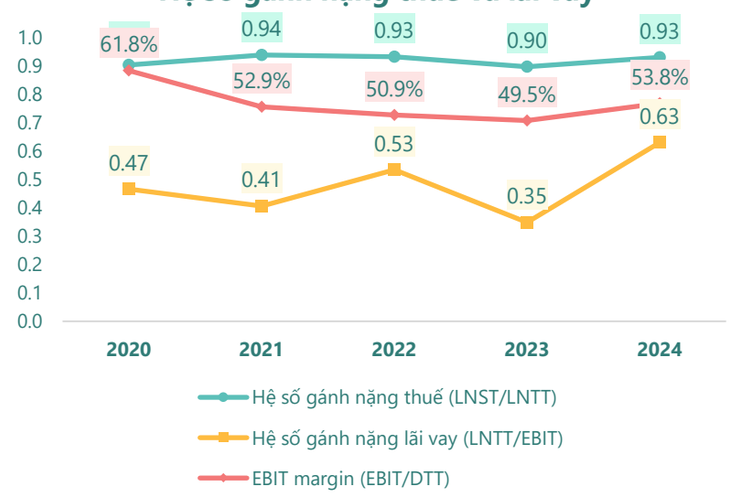
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



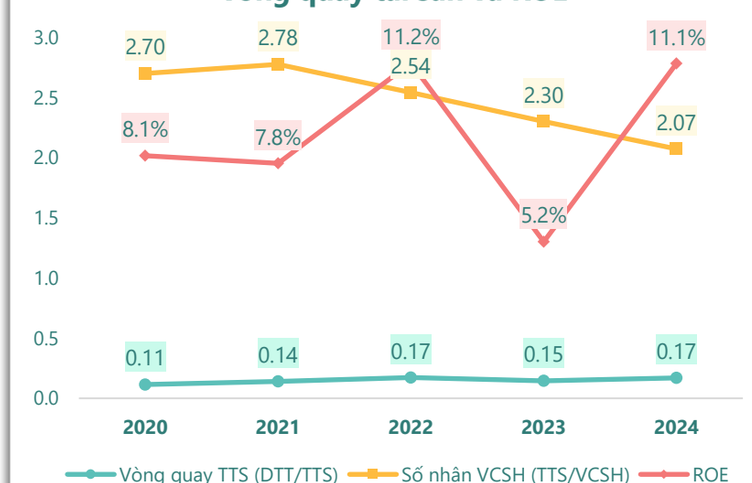
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



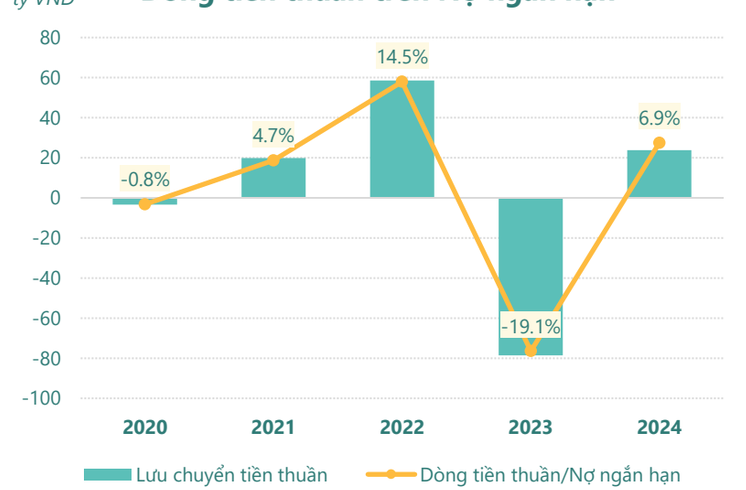
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**187**	**194**	**-3.6%**	**336**	**338**	**-0.7%**
Giá vốn hàng bán	76.5	82.6	-7.4%	141	146	-3.1%
Lợi nhuận gộp	111	111	-0.4%	195	192	1.2%
Doanh thu HĐTC	0.47	0.01	4589%	0.48	0.01	4691%
Chi phí TC	33.8	37.0	-8.7%	64.6	75.0	-13.9%
Chi phí lãi vay	33.8	37.0	-8.7%	64.6	75.0	-13.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.29**	**6.06**	**3.9%**	**12.1**	**11.0**	**10.1%**
LN thuần từ HĐKD	71.0	67.8	4.7%	118	106	11.3%
Lợi nhuận khác	**-2.36**	**-2.40**	**1.5%**	**-3.46**	**-2.90**	**-19.3%**
LN trước thuế	68.6	65.4	4.9%	115	104	11.0%
Lợi nhuận sau thuế	**64.7**	**61.2**	**5.7%**	**107**	**96.6**	**11.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**64.7**	**61.2**	**5.7%**	**107**	**96.6**	**11.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	69.9	100.0	74.2	78.1	44.4	59.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.43	-2.50	-1.73	-6.30	0.06	-6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-66.8	-74.5	-71.6	-74.4	-55.2	-57.8
Tiền đầu kỳ	3.91	6.58	29.5	30.4	27.7	17.0
Lưu chuyển tiền thuần	**2.68**	**22.9**	**0.85**	**-2.64**	**-10.7**	**-4.94**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.58	29.5	30.4	27.7	17.0	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,243**	**4,251**	**-0.2%**
Tài sản ngắn hạn	351	273	28.5%
Tiền và tương đương tiền	12.1	27.7	-56.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	338	245	38.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0.43	-74.5%
Tài sản dài hạn	**3,893**	**3,978**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	15.0	0	
Tài sản cố định	3,723	3,820	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	52.1	55.1	-5.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.16**	**0.08**	**91.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,984	2,072	-4.3%
Nợ ngắn hạn	**394**	**347**	**13.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	296	274	8.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.86	3.37	14.6%
Nợ dài hạn	1,589	1,725	-7.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,464	1,599	-8.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,259**	**2,179**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,259**	**2,179**	**3.7%**
Vốn điều lệ	1,701	1,701	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)